

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>280.293.952.545</b>	<b>295.875.254.223</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>10.423.934.562</b>	<b>9.309.485.304</b>
1. Tiền	111		10.423.934.562 ✓	9.309.485.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.4</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	33.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.342.022.565</b>	<b>157.788.708.134</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	82.787.703.452 ✓	68.195.324.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3	61.561.782.503 ✓	38.817.276.590
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.5	13.085.513.440	50.869.084.164
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(92.976.830) ✓	(92.976.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.6</b>	<b>105.384.822.142</b>	<b>94.367.791.148</b>
1. Hàng tồn kho	141		105.384.822.142 ✓	94.367.791.148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.143.173.276</b>	<b>1.409.269.637</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.9	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.12	1.143.173.276 ✓	1.409.269.637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.12	-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>101.599.216.994</b>	<b>101.608.600.631</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.2	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	VI.3	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		400.000.000 ✓	400.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.5	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020  
(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>899.507.811</b>	<b>961.232.358</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	899.507.811	961.232.358
- Nguyên giá	222		1.598.843.637 ✓	1.598.843.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(699.335.826) ✓	(637.611.279)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>VI.7</b>	<b>7.340.910</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.340.910	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.04</b>	<b>100.244.172.000</b>	<b>100.219.172.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.624.172.000 ✓	31.624.172.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.500.000.000 ✓	59.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.650.000.000 ✓	6.625.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		2.470.000.000 ✓	2.470.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>48.196.273</b>	<b>28.196.273</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	48.196.273 ✓	28.196.273
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>381.893.169.539</b>	<b>397.483.854.854</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020  
(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>206.363.940.350</b>	<b>222.603.525.036</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>206.363.940.350</b>	<b>222.603.525.036</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10	14.774.830.728 ✓	47.401.551.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.11	17.382.773.908 ✓	3.469.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	366.185.052 ✓	366.185.052
4. Phải trả người lao động	314		36.426.552 ✓	38.897.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.729.344.782	3.233.344.782
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.13	10.186.984.667	10.159.660.197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.14	160.887.394.661	157.934.885.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	VI.10	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	VI.11	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.13	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.14	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>175.529.229.189</b>	<b>174.880.329.818</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.15</b>	<b>175.529.229.189</b>	<b>174.880.329.818</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.924	10.645.604.925
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		14.883.624.265	14.234.724.893
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.234.724.893	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		648.899.372	14.234.724.893
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>381.893.169.539</b>	<b>397.483.854.854</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2020

Người lập

  
Nguyễn Thị Thùy Nga

Kế toán trưởng

  
Đức Thái Thủy

Giám đốc

  
  
CHỦ TỊCH HĐQT  
Mai Anh Tâm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Quý 1 năm 2020

Mẫu số B 02 – DN/HN


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	108.501.420.113	40.192.354.158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108.501.420.113	40.192.354.158
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	105.109.855.219	35.967.710.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.391.564.894	4.224.643.489
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	118.460.045	3.011.162.197
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	2.397.316.185	1.704.825.808
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.578.914.874	1.704.825.808
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8	155.530.308	663.969.527
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	308.195.949	443.179.282
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		648.982.497	4.423.831.069
12. Thu nhập khác	31	VII.6	-	-
13. Chi phí khác	32	VII.7	83.126	-
14. Lợi nhuận khác	40		(83.126)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		648.899.371	4.423.831.069
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	129.779.874	393.920.716
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>519.119.497</b>	<b>4.029.910.353</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		519.119.497	4.029.910.353
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		62,66	486,42
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập

  
Nguyễn Thị Thùy Nga

Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Thùy

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2020  
Giám đốc

  
CHỦ TỊCH HĐQT  
Mai Anh Tâm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp gián tiếp  
Quý 1 năm 2020

Mẫu số B 03 – DN/HN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		648.899.371	4 423 831 069
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		61.724.547	88 461 099
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(118.460.045)	(2.454.227.487)
- Chi phí lãi vay	06		2.397.316.185	1.704.825.808
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.989.480.058	3.762.890.489
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.283.341.248)	(3.290.148.003)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.017.030.994)	-11 968 383 260
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.751.688.635	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	3 047 821 232
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(15.667.178)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.397.316.185)	(1.704.825.808)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.956.519.734)	(10.168.312.528)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.460.045	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		118.460.045	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		104.648.471.110	67.761.239.939
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(101.695.962.163)	(72.488.307.963)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.952.508.947	(4.727.068.024)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.114.449.258	(14.895.380.552)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.309.485.304	19.153.635.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>10.423.934.562</u>	<u>4.258.254.624</u>

Người lập

  
Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

  
Đức Thị Thủy

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2020

Giám đốc



  
CHỦ TỊCH HĐQT  
Mai Anh Tâm

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận bằng chênh lệch giữa giá mua và giá bán cổ phần.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có).

### Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ. Lỗ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

### Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các khoản chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, các chi phí kiểm nghiệm, xếp dỡ, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, thành phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...*); chi phí bằng tiền khác (*tiếp khách...*).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### Thuế

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	6.004.094.320	5.020.364.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.419.840.242	4.289.121.270
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống) <sup>(*)</sup>		
<b>Cộng</b>	<b>10.423.934.562</b>	<b>9.309.485.304</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

*Cơ cấu tổ chức:*

Công ty có 03 công ty con, 02 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chi tiết	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD		Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2020		
	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD	Tỷ lệ vốn theo ĐKKD (%)	Vốn góp thực tế tại Công ty LD, LK, công ty con	Giá trị vốn góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp thực tế (%)
<i>Công ty con</i>					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	30.000.000.000	98%	29.400.000.000	30.000.000.000	98%
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước (*)	10.000.000.000	95%	180.000.000	180.000.000	100%
Công ty cổ phần công nghệ CRC	2.000.000.000	95%	-	-	-
<i>Công ty liên kết</i>					
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	60.000.000.000	48,41%	61.130.000.000	29.400.000.000	48,09%
Công ty TNHH Trường Sơn	40.000.000.000	45%	40.000.000.000	18.000.000.000	45%
Công ty TNHH SunPower Group Việt Nam	10.000.000.000	45%	25.000.000	25.000.000	45%

**Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:**

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử



# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

*dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.*

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

Công ty có trụ sở tại 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại thời điểm 31/03/2020, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 7 người, trong đó có 3 người là cán bộ quản lý.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Kế toán trên máy vi tính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: (Tiếp theo)

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản Vốn bằng tiền, Các khoản phải trả.

- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu, Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Số dư cuối năm của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam chi tiết như sau:

- + *Đối với các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay gốc ngoại tệ là USD được quy đổi theo tỷ giá mua vào và tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị mở tài khoản hoặc phát sinh khoản vay*
- + *Đối với các khoản công nợ phải thu được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 23.130 đồng/USD;*

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

##### Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản ủy thác và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* *Kê khai thường xuyên*

*Phương pháp xác định giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm* *Bình quân gia quyền*

*Phương pháp xác định giá gốc của mù cao su* *Đích danh*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng nhà máy gạch ngói, nhà máy năng lượng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.*

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hàng tồn kho (Tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

#### Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

---

sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ là trích trước chi phí dịch vụ gia công mù cao su và chi phí lãi vay.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/3/2020 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa (mù cao su, hạt điều, dầu điều ...) được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, từ khoản cổ tức được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu từ việc nhượng bán cổ phần.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính : (tiếp theo)

Công ty CP Create Capital Việt Nam	VND
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>1.796.993.778</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thăng Long	1.444.031
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.072.600
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	2.458.435
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	356.807
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	26.366.797
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	1.746.098.088
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	16.121.703
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	1.170.910
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	1.904.407
	<b>VND</b>
<b>Tiền gửi USD quy đổi</b>	<b>2.622.846.464</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	6.453.699
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	6.670.693
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	2.576.281.913
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	12.831.198
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	14.387.749
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	6.221.212
<b>Cộng</b>	<b>4.419.840.242</b>

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

#### Ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

	31/12/2019	31/03/2020
<b>Tiền gửi ủy của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Ông Nguyễn Việt Giáp - CĐ Công ty (i)	19.000.000.000	6.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	14.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

(ii) Khoản ủy thác cho Ông Nguyễn Việt Giáp với số tiền 6.000.000.000 đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2020		31/12/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>59.500.000.000</b>		<b>59.500.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco	41.500.000.000		41.500.000.000	
Công ty TNHH Trường Sơn	18.000.000.000		18.000.000.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>6.650.000.000</b>		<b>6.625.000.000</b>	
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	6.625.000.000		6.625.000.000	
Công ty TNHH Sunpower Group VN	25.000.000			
<b>Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (i)</b>	<b>2.470.000.000</b>		<b>2.470.000.000</b>	

(i) Công ty mua 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất thả nổi;

Công ty mua 197 trái phiếu với giá mua 1.970.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất thả nổi; Trái phiếu đang được thế chấp tại Ngân hàng ĐT và PTVN - Chi nhánh Mỹ Đình.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/03/2020	31/12/2019
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	4.511.045.510	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	4.240.330.667	2.922.253.910
Qingdao	6.245.729.280	-
Sruamthai co,ldt		2.943.170.640
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	741.176.614	741.176.614
Công ty Cổ phần XNK Nam HN	53.848.127.950	48.706.831.890
Công ty Cổ phần CRC SOLAR CELL	4.428.356.600	2.090.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ EMP		7.894.499.000
Công ty TNHH TM Cao Su An Bình	3.417.750.000	1.587.050.000
Các khách hàng khác	5.355.186.831	1.310.342.156
<b>Cộng</b>	<b>82.787.703.452</b>	<b>68.195.324.210</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/03/2020	31/12/2019
Ông Nguyễn Thế Xuân	5.250.000.000	-
Ông Phạm Văn Lộc	32.679.274.331	13.879.279.476
Ông Nguyễn Văn Đăng	10.651.682.694	10.651.682.694
Công ty cổ phần chè Minh Thịnh	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty CP TM DV Nhật Minh Xanh	3.804.599.740	1.804.599.740
Công ty TNHH Giấy An Lộc (*)	-	4.997.599.784
Các khách hàng khác	6.776.225.738	5.084.114.896
<b>Cộng</b>	<b>61.229.511.503</b>	<b>38.817.276.590</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH** QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu khác</b>	<b>6.031.706.240</b>		<b>43.915.276.964</b>	
Công ty TNHH SX và TM Thành Nam BP			27.104.836.724	
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần(i)	5.336.446.000		16.212.680.000	
Phải thu lãi tiền gửi hợp đồng ủy thác và lãi trái phiếu	330.285.458		232.785.458	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	364.974.782		364.974.782	

(i)Hợp đồng chuyển nhượng số 04-15/2019/HDCNCP/VLXDKT ngày 18/07/2019 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum với giá chuyển nhượng là 16.762.680.000 đồng.

**Tạm ứng**

Ông Lê Quang Thạch - Tạm ứng đầu tư dự án nhà máy gạch (i)	6.168.547.000	6.168.547.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	885.260.200	785.260.200
<b>Cộng</b>	<b>7.053.807.200</b>	<b>6.953.807.200</b>

<sup>(i)</sup> Tạm ứng dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch, ngói công nghệ mới lò xoay công suất lớn tại khu công nghiệp Minh Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

**(i) Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát	400.000.000		400.000.000	

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	41.660.920.413		36.885.737.329	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.461.578.011		8.073.748.565	
Thành phẩm	6.114.206.855		12.288.277.658	
Hàng hóa	56.148.116.863		37.120.027.596	
<b>Cộng</b>	<b>105.384.822.142</b>		<b>94.367.791.148</b>	

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	48.196.273	28.196.273
Phí và bảo hiểm		
<b>Cộng</b>	<b>48.196.273</b>	<b>28.196.273</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	293.636.364	1.305.207.273	1.598.843.637
Mua trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>293.636.364</b>	<b>1.305.207.273</b>	<b>1.598.843.637</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Chờ thanh lý			
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	70.251.719	567.359.560	637.611.279
Khấu hao trong năm	7.340.910	54.383.637	61.724.547
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>77.592.629</b>	<b>621.743.197</b>	<b>699.335.826</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	223.384.645	737.847.713	961.232.358
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>216.043.735</b>	<b>683.464.076</b>	<b>899.507.811</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Đạt	1.184.152.110	1.184.152.110
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thái Hưng Thịnh		945.000.000
Công ty TNHH SX TM Thành Nam BP	380.071.939	28.399.207.976
Công ty Cổ phần Cầu Đuống	1.089.300.000	1.089.300.000
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	899.875.589	
Công ty TNHH Trường Sáng	442.826.425	442.826.425
Công ty TNHH Trường Sơn	580.184.113	4.580.184.113
Công ty CP CRC SOLAL CELL	1.980.000.000	1.980.000.000
Công ty CP XNK Simex VN	4.567.979.775	7.737.364.775
Các nhà cung cấp khác	3.650.440.777	943.516.030
<b>Cộng</b>	<b><u>14.774.830.728</u></b>	<b><u>47.401.551.429</u></b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty TNHH Thiết bị CNN MICO	132.000.000	172.000.000
Công ty Cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh		1.862.000.000
Công ty cổ phần công nghệ EMP STESARRA	8.672.433.800	
Srumthai	930.554.297	
Srumthai	6.212.785.811	
Công ty TNHH Vạn Lợi	1.435.000.000	1.435.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>17.382.773.908</u></b>	<b><u>3.469.000.000</u></b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.185.052				366.185.052	
Thuế thu nhập cá nhân						
Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác						
<b>Cộng</b>	<b><u>366.185.052</u></b>		<b><u>3.000.000</u></b>	<b><u>3.000.000</u></b>	<b><u>366.185.052</u></b>	

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí dịch vụ xuất khẩu		
Chi phí gia công mù cao su	2.729.344.782	3.120.168.600
Chi phí lãi vay		113.176.182
<b>Cộng</b>	<b><u>2.729.344.782</u></b>	<b><u>3.233.344.782</u></b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty Cổ phần sản xuất và cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum		459.460.397
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.581.350.677	9.325.760.000
Phải trả khác	605.997.990	341.439.800
Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.220.348.667</u></b>	<b><u>10.159.660.197</u></b>

**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	49.247.698.952	50.051.085.515
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Thanh Xuân	28.342.872	28.385.815.884
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình <sup>(ii)</sup>	83.296.823.709	79.497.984.315
<b>Cộng</b>	<b><u>160.887.394.661</u></b>	<b><u>157.934.885.714</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

**15. Vốn chủ sở hữu****15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	150.000.000.000	10.645.604.925	8.119.827.732	168.765.432.657
Lợi nhuận trong năm trước			6.114.897.161	6.114.897.161
<b>Số cuối kỳ trước</b>	<b><u>150.000.000.000</u></b>	<b><u>10.645.604.925</u></b>	<b><u>14.234.724.894</u></b>	<b><u>174.880.329.818</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	10.645.604.925	14.234.724.894	174.880.329.818
Lợi nhuận trong năm nay			648.899.371	648.899.371
Trích lập các quỹ				
Chia cổ tức				
<b>Số cuối kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>14.883.624.265</b>	<b>175.529.229.189</b>

**15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Ông Mai Anh Tám	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	135.000.000.000	135.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**15c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc quý I/2020, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 111.408,01 USD (số đầu năm là 10.888,44 USD).

**II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu**

	<b>31/3/2020</b>	<b>31/3/2019</b>
Doanh thu bán hàng hóa	95.684.451.557	4.923.756.000
Doanh thu bán thành phẩm	4.853.917.102	34.977.689.070
Doanh thu hợp đồng xây dựng, lắp đặt	7.848.506.000	
Doanh thu khác	114.545.454	290.909.088
<b>Cộng</b>	<b>108.501.420.113</b>	<b>40.192.354.794</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>31/3/2020</b>	<b>31/3/2019</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	93.704.756.915	4.793.801.400
Giá vốn thành phẩm đã bán	4.657.710.177	31.164.818.359

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

	<u>31/3/2020</u>	<u>31/3/2019</u>
Giá vốn xây dựng, lắp đặt	6.733.751.762	
Giá vốn dịch vụ khác	13.636.365	9.090.910
<b>Cộng</b>	<b><u>105.109.855.219</u></b>	<b><u>35.967.710.669</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>31/3/2020</u>	<u>31/3/2019</u>
Lãi tiền gửi	1.649.725	556.934.710
Lãi tiền cho vay	97.500.000	
Lãi thanh lý khoản đầu tư		
Cổ tức được chia		2.454.227.487
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.310.320	
Doanh thu tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>118.460.045</u></b>	<b><u>3.011.162.197</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>31/3/2020</u>	<u>31/3/2019</u>
Chi phí lãi vay	2.397.316.185	1.704.825.808
<b>Cộng</b>	<b><u>2.397.316.185</u></b>	<b><u>1.704.825.808</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>31/3/2020</u>	<u>31/3/2019</u>
Chi phí vận chuyển		527.342.361
Chi phí dịch vụ xuất khẩu	155.530.308	127.763.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác		8.863.636
<b>Cộng</b>	<b><u>155.530.308</u></b>	<b><u>663.969.527</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>31/3/2020</u>	<u>31/3/2019</u>
Chi phí cho nhân viên	118.743.711	140.193.789
Chi phí đồ dùng văn phòng		10.923.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.383.637	81.120.189
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	13.318.259
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.068.601	197.623.314
Chi phí bằng tiền khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>308.195.949</u></b>	<b><u>443.179.282</u></b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
	<u>31/3/2020</u>	<u>31/3/2019</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		-
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Lãi chậm nộp bảo hiểm	83.126	
Phạt vi phạm hợp đồng		
Chi phí khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>83.126</u></b>	<b><u>-</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

## 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Mai Anh Tám dùng quyền sử dụng đất và nhà thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V.4, V.6.

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### **Bên liên quan khác**

#### **Mối quan hệ**

Công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết từ ngày 01/01/2019 đến 18/7/2019
Công ty TNHH Sản Xuất và XNK CRC Bình Phước	Công ty con
CÔNG ty CP Liên doanh phát triển năng lượng CRC	Công ty con
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty cổ phần Công Nghệ CRC	Công ty con
Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cao su Hiệp Hưng	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây Dựng Yên Thạch	Công ty và các cổ đông công ty có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết

### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

#### 2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán hàng hóa
- Lĩnh vực bán thành phẩm (cao su)
- Lĩnh vực xây lắp

#### 2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Khu vực nội địa	67.369.391.126	2.115.316.908
Khu vực nước ngoài	41.132.028.987	38.077.037.250
<b>Cộng</b>	<b>108.501.420.113</b>	<b>40.192.354.158</b>

### 3. Thông tin các bên liên quan

Thù lao trả cho các thành viên Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	<u>31-03-20</u>	<u>31-03-19</u>
Tiền lương và phụ cấp	10.350.200	12.501.000
<b>Cộng</b>	<b>10.350.200</b>	<b>12.501.000</b>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>31-03-20</u>	<u>31-03-19</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>				
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Chuyển tiền		1.539.540.000
<b>II. Các khoản đầu tư</b>				
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền đầu tư		2.681.226.849
		Thu hồi lãi tiền gửi ủy thác		51.287.671
<b>III. Phải thu khác</b>				
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Chuyển tiền		180.000.000
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Chuyển tiền cho Kontum		474.500.000
		Kontum trả cổ tức, thu hồi tiền		2.454.227.487

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31-03-20</u>	<u>31-03-19</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>			
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019		110.460.000
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con		132.000.000

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>II. Phải thu khác</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm 2020: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/03/2020

Công ty CP Gốm sứ Haceco	Chuyển tiền		180.000.000
Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT	-	166.710.521
Công ty cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	27.805.000.000
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019		5.922.261.603
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	364.974.782	
<b>III. Phải trả người bán</b>			
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	20.000.000	-
<b>III. Trả trước cho người bán</b>			
Công ty cổ phần Cao Su Hiệp Hưng	BLQ của Chủ tịch HĐQT	1.349.377.963	1.349.377.963
<b>IV. Phải trả phải nộp khác</b>			
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019		21.317.754
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	-	2.882.930.908

C.P.

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu Nga

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Mai Anh Tám